

Số: 16977/BTC-CST
V/v trả lời kiến nghị của doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

Bộ Tài chính nhận được kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổng hợp tại văn bản số 2189/LĐTM-PC ngày 02/10/2026. Liên quan đến kiến nghị của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam tại STT 14, STT 16 Báo cáo kèm theo văn bản số 2189/LĐTM-PC, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về kiến nghị hướng dẫn xác định tỷ lệ giá trị nguyên liệu là nông sản, thủy sản và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án tại khu công nghiệp

(1) Về tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản

Tại điểm b, c khoản 1 Điều 4 và điểm 1 khoản 2 Điều 18 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) quy định thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế phải đáp ứng các điều kiện sau:

“b) Thu nhập của sản phẩm, hàng hóa chế biến từ nông sản, thủy sản được miễn thuế phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

b1) Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành hàng hóa, sản phẩm) từ 30% trở lên.

Nguyên liệu đầu vào của hoạt động chế biến nông sản, thủy sản phải là nông sản, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường (bao gồm cả phụ phẩm của quá trình sơ chế nông sản, thủy sản);

b2) Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp sản phẩm tươi sống và được đông lạnh đạt độ âm từ 18 độ C trở lên (lạnh hơn), sản phẩm chế biến từ sản phẩm tươi sống thành sản phẩm chín, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu có pha trộn gia vị phụ liệu để ra hàng giá trị gia tăng cũng được coi là sản phẩm, hàng hóa thủy sản đã qua chế biến. Doanh nghiệp phải xác định riêng thu nhập của sản phẩm, hàng hóa chế biến từ nông sản, thủy sản để được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.”.

Như vậy, pháp luật về thuế TNDN đã quy định về các điều kiện ưu đãi thuế đối với thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản (trong đó có quy định về tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản). Do đó, đề nghị thực hiện theo

quy định của pháp luật về thuế TNDN, trường hợp có vướng mắc đề nghị liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn theo quy định dựa trên hồ sơ, tình hình thực tế thực hiện của đơn vị.

(2) Về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án tại khu công nghiệp

Tại Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH14 (áp dụng trong giai đoạn 2014 - 2024) quy định: “*Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật này và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp, trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật được miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo.*”.

Để thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc rà soát, hợp lý hóa các chính sách ưu đãi, tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2015 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025) đã quy định ưu đãi thuế theo ngành nghề, địa bàn ưu đãi thuế, theo đó, Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đã rà soát, sắp xếp lại các ngành, nghề ưu đãi, bổ sung nhiều ngành, nghề ưu đãi thuế, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn (tăng cường đầu tư vào công nghệ chiến lược, công nghệ số, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn thông tin, nghiên cứu đổi mới, phát triển khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo,...); đồng thời, bổ sung các quy định mới có tính vượt trội để thúc đẩy các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

Liên quan đến ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn, tại khoản 3 Điều 12 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định:

“3. *Địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do Chính phủ quy định, bao gồm:*

- a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;*
- b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;*
- c) Khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung.”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 không quy định ưu đãi thuế TNDN đối với khu công nghiệp, theo đó, đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp sẽ được hưởng ưu đãi theo điều kiện về ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế khi dự án đầu tư đáp ứng. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư có các dự án đang hoạt động tại các khu công nghiệp, Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP (khoản 1, khoản 2 Điều 25) cũng đã có quy định chuyển tiếp ưu đãi đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp còn đang trong thời gian ưu đãi trước ngày 01/10/2025, cụ thể:

“1. *Doanh nghiệp có dự án đầu tư mới trước ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập*

doanh nghiệp, kể cả trường hợp dự án đầu tư mới chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp mức ưu đãi tại Nghị định này cao hơn mức ưu đãi đang hưởng thì được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định này cho thời gian còn lại. Thời gian còn lại quy định tại điểm này được tính từ kỳ tính thuế 2025.

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi là được phép đầu tư) trước ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp dự án đầu tư mở rộng đã được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được phép đầu tư nhưng chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được phép đầu tư; trường hợp mức ưu đãi tại Nghị định này cao hơn mức ưu đãi đang hưởng (kể cả trường hợp thuộc diện nhưng chưa được hưởng) thì được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định này cho thời gian còn lại. Thời gian còn lại quy định tại điểm này được tính từ kỳ tính thuế 2025.

Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được phép đầu tư trước ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thì việc xác định ưu đãi và thời điểm tính hưởng ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng thực hiện theo quy định của văn bản có hiệu lực tại thời điểm được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được phép đầu tư.”.

2. Về kiến nghị liên quan đến khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương phát sinh trong thời gian hợp đồng trên 03 tháng còn hiệu lực, chi trả sau ngày chấm dứt hợp đồng

Tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) quy định:

“Điều 50. Khấu trừ thuế

1. Trừ các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, khi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người nộp thuế phải thực hiện khấu trừ thuế và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân căn cứ vào:

a) Thu nhập tính thuế tháng (đối với các khoản thu nhập do tổ chức, cá nhân chi trả, chi trả thay cho cá nhân);

b) Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 9 của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (bao gồm cả trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động) mà mức chi trả thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân. Trường hợp mức chi trả thu nhập dưới 05 triệu đồng/lần thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% khi cá nhân có yêu cầu.

Trường hợp cá nhân chỉ có thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi giảm trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Cá nhân làm cam kết phải chịu trách nhiệm về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật liên quan khác.

Căn cứ vào cam kết của cá nhân, tổ chức trả thu nhập không khấu trừ thuế. Kết thúc năm tính thuế, tổ chức trả thu nhập vẫn phải tổng hợp danh sách và thu nhập của những cá nhân chưa đến mức khấu trừ thuế theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế và nộp cho cơ quan thuế.

Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ 03 tháng trở lên tại nhiều nơi.”.

Tại Điều 3 Luật Thuế TNCN quy định thu nhập chịu thuế của cá nhân không bao gồm thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này, tại Điều 6 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP quy định cụ thể về các khoản thu nhập chịu thuế không bao gồm thu nhập được miễn thuế quy định tại Mục 1 Chương 3 của Nghị định này. Đồng thời, tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 253/2026/NĐ-CP cũng đã quy định loại trừ không tính vào thu nhập chịu thuế một số khoản thu nhập.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2, khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội, điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế, điểm a khoản 1 Điều 31, khoản 2 Điều 33 Luật Việc làm thì người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự

quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Hàng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và trích từ tiền lương của người lao động cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (bao gồm cả trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động) mà mức chi trả thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân. Thu nhập làm căn cứ khấu trừ là thu nhập trả cho cá nhân, không bao gồm các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế theo quy định.

Bộ Tài chính có ý kiến đề Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam được biết./ *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Cao Anh Tuấn (để báo cáo);
- DNTN, CT, Vụ PC, VPB;
- Lưu VT, CST (TN) (06b) *c*

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trương Bá Tuấn